SỞ TƯ PHÁP TỈNH NINH BÌNH
TRUNG TÂM DỊCH VỤ ĐẤU GIÁ TÀI SẢN

Số: 136/TB-ĐG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ninh Bình, ngày 17 tháng 12 năm 2025

THÔNG BÁO
Đấu giá quyền sử dụng đất

1. Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản: Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Ninh Bình.

Địa chỉ: đường Đại Cồ Việt, phố Thiên Sơn, phường Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình.

2. Bên có tài sản đấu giá: UBND phường Nam Hoa Lư.

Địa chỉ: phố Đa Lộc, đường Lê Duẩn, phường Nam Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình.

3. Tài sản đấu giá: Quyền sử dụng 126 thửa đất ở tại khu dân cư phía Nam trụ sở UBND phường Ninh Phong (nay là phường Nam Hoa Lư), tỉnh Ninh Bình:

STT	Ký hiệu thửa đất	Diện tích (m^2)	Giá khởi điểm (đồng/ m^2)	Tiền bán hồ sơ (đồng/ hồ sơ)	Tiền đặt trước (đồng/ thửa đất)
1	A1	198	14,600,000	200,000	578,160,000
2	A6	120	13,000,000	200,000	312,000,000
3	A7	120	13,000,000	200,000	312,000,000
4	A8	120	13,000,000	200,000	312,000,000
5	A9	175.5	15,700,000	200,000	551,070,000
6	A10	120	15,700,000	200,000	376,800,000
7	A14	175.5	15,700,000	200,000	551,070,000
8	A15	120	13,000,000	200,000	312,000,000
9	A16	120	13,000,000	200,000	312,000,000
10	A17	120	13,000,000	200,000	312,000,000
11	A18	120	13,000,000	200,000	312,000,000
12	A19	120	13,000,000	200,000	312,000,000
13	A20	120	13,000,000	200,000	312,000,000
14	A21	120	13,000,000	200,000	312,000,000
15	A23	135	14,600,000	200,000	394,200,000
16	A24	135	14,600,000	200,000	394,200,000
17	A25	135	14,600,000	200,000	394,200,000
18	A26	135	14,600,000	200,000	394,200,000

STT	Ký hiệu thửa đất	Diện tích (m^2)	Giá khởi điểm (đồng/ m^2)	Tiền bán hồ sơ (đồng/ hồ sơ)	Tiền đặt trước (đồng/ thửa đất)
19	B2	120	13,000,000	200,000	312,000,000
20	B3	120	13,000,000	200,000	312,000,000
21	B4	120	13,000,000	200,000	312,000,000
22	B5	120	13,000,000	200,000	312,000,000
23	B6	120	13,000,000	200,000	312,000,000
24	B7	120	13,000,000	200,000	312,000,000
25	B8	120	13,000,000	200,000	312,000,000
26	B9	175.5	15,700,000	200,000	551,070,000
27	B11	120	15,700,000	200,000	376,800,000
28	B12	120	15,700,000	200,000	376,800,000
29	B13	120	15,700,000	200,000	376,800,000
30	B15	120	13,000,000	200,000	312,000,000
31	B24	135	14,600,000	200,000	394,200,000
32	B25	135	14,600,000	200,000	394,200,000
33	C2	120	13,000,000	200,000	312,000,000
34	C3	120	13,000,000	200,000	312,000,000
35	C4	120	13,000,000	200,000	312,000,000
36	C8	198	14,600,000	200,000	578,160,000
37	C10	135	14,600,000	200,000	394,200,000
38	C11	135	14,600,000	200,000	394,200,000
39	C12	135	14,600,000	200,000	394,200,000
40	D1	193.5	14,600,000	200,000	565,020,000
41	D10	120	15,700,000	200,000	376,800,000
42	D11	120	15,700,000	200,000	376,800,000
43	D12	120	15,700,000	200,000	376,800,000
44	D13	120	15,700,000	200,000	376,800,000
45	D15	120	13,000,000	200,000	312,000,000
46	D23	132	14,600,000	200,000	385,440,000
47	D24	132	14,600,000	200,000	385,440,000
48	D25	132	14,600,000	200,000	385,440,000

STT	Ký hiệu thửa đất	Diện tích (m^2)	Giá khởi điểm (đồng/ m^2)	Tiền bán hồ sơ (đồng/ hồ sơ)	Tiền đặt trước (đồng/ thửa đất)
49	D26	132	14,600,000	200,000	385,440,000
50	E2	120	13,000,000	200,000	312,000,000
51	E3	120	13,000,000	200,000	312,000,000
52	E4	120	13,000,000	200,000	312,000,000
53	E5	120	13,000,000	200,000	312,000,000
54	E6	120	13,000,000	200,000	312,000,000
55	E7	120	13,000,000	200,000	312,000,000
56	E8	120	13,000,000	200,000	312,000,000
57	E10	120	15,700,000	200,000	376,800,000
58	E11	120	15,700,000	200,000	376,800,000
59	E12	120	15,700,000	200,000	376,800,000
60	E13	120	15,700,000	200,000	376,800,000
61	E15	120	13,000,000	200,000	312,000,000
62	E16	120	13,000,000	200,000	312,000,000
63	E19	120	13,000,000	200,000	312,000,000
64	E21	120	13,000,000	200,000	312,000,000
65	E23	132	14,600,000	200,000	385,440,000
66	E24	132	14,600,000	200,000	385,440,000
67	E25	132	14,600,000	200,000	385,440,000
68	E26	132	14,600,000	200,000	385,440,000
69	F2	120	13,000,000	200,000	312,000,000
70	F3	120	13,000,000	200,000	312,000,000
71	F4	120	13,000,000	200,000	312,000,000
72	F5	120	13,000,000	200,000	312,000,000
73	F6	120	13,000,000	200,000	312,000,000
74	F7	120	13,000,000	200,000	312,000,000
75	F8	120	13,000,000	200,000	312,000,000
76	F9	175.5	15,700,000	200,000	551,070,000
77	F10	120	15,700,000	200,000	376,800,000
78	F11	120	15,700,000	200,000	376,800,000

STT	Ký hiệu thửa đất	Diện tích (m^2)	Giá khởi điểm (đồng/ m^2)	Tiền bán hồ sơ (đồng/ hồ sơ)	Tiền đặt trước (đồng/ thửa đất)
79	F12	120	15,700,000	200,000	376,800,000
80	F13	120	15,700,000	200,000	376,800,000
81	F15	123	15,700,000	200,000	386,220,000
82	F16	123	15,700,000	200,000	386,220,000
83	F17	123	15,700,000	200,000	386,220,000
84	F18	123	15,700,000	200,000	386,220,000
85	F19	123	15,700,000	200,000	386,220,000
86	F20	123	15,700,000	200,000	386,220,000
87	F21	123	15,700,000	200,000	386,220,000
88	F23	132	14,600,000	200,000	385,440,000
89	F24	132	14,600,000	200,000	385,440,000
90	F25	132	14,600,000	200,000	385,440,000
91	F26	132	14,600,000	200,000	385,440,000
92	G24	120	14,600,000	200,000	350,400,000
93	G26	120	14,600,000	200,000	350,400,000
94	G27	120	14,600,000	200,000	350,400,000
95	G28	120	14,600,000	200,000	350,400,000
96	G29	120	14,600,000	200,000	350,400,000
97	G30	120	14,600,000	200,000	350,400,000
98	G31	120	14,600,000	200,000	350,400,000
99	G32	120	14,600,000	200,000	350,400,000
100	G33	120	14,600,000	200,000	350,400,000
101	G34	120	14,600,000	200,000	350,400,000
102	G35	120	14,600,000	200,000	350,400,000
103	G36	120	14,600,000	200,000	350,400,000
104	G37	120	14,600,000	200,000	350,400,000
105	G38	120	14,600,000	200,000	350,400,000
106	G39	120	14,600,000	200,000	350,400,000
107	G40	120	14,600,000	200,000	350,400,000
108	G45	119.6	14,600,000	200,000	349,232,000

STT	Ký hiệu thửa đất	Diện tích (m^2)	Giá khởi điểm (đồng/ m^2)	Tiền bán hồ sơ (đồng/ hồ sơ)	Tiền đặt trước (đồng/ thửa đất)
109	H20	115.5	14,600,000	200,000	337,260,000
110	H25	120	14,600,000	200,000	350,400,000
111	H26	120	14,600,000	200,000	350,400,000
112	H27	120	14,600,000	200,000	350,400,000
113	H28	120	14,600,000	200,000	350,400,000
114	H29	120	14,600,000	200,000	350,400,000
115	H30	120	14,600,000	200,000	350,400,000
116	H31	120	14,600,000	200,000	350,400,000
117	H32	120	14,600,000	200,000	350,400,000
118	H33	120	14,600,000	200,000	350,400,000
119	H34	120	14,600,000	200,000	350,400,000
120	H35	120	14,600,000	200,000	350,400,000
121	H36	120	14,600,000	200,000	350,400,000
122	H37	120	14,600,000	200,000	350,400,000
123	H38	120	14,600,000	200,000	350,400,000
124	H39	120	14,600,000	200,000	350,400,000
125	H40	120	14,600,000	200,000	350,400,000
126	H45	115.5	14,600,000	200,000	337,260,000

4. Thời gian, địa điểm phát hành hồ sơ mời tham gia đấu giá: từ 08 giờ 00' ngày 22/12/2025 đến 17 giờ 00' ngày 07/01/2026 *(trong giờ hành chính).*

- Tại trụ sở Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Ninh Bình;

Địa chỉ: đường Đại Cồ Việt, phố Thiên Sơn, phường Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình. Điện thoại: 0229.3636.668; Hotline - Zalo: 0902.180.281;

- Tại Văn phòng đại diện Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Ninh Bình;

Địa chỉ: số 325, đường Trường Chinh, phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình. Điện thoại: 0229.3636.668;

Địa chỉ: đường Lê Chân, phường Phù Vân, tỉnh Ninh Bình. Điện thoại: 0229.3636.668;

- Tại Nhà Văn hoá UBND phường Nam Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình (trụ sở UBND phường Ninh Phong cũ).

5. Thời gian, địa điểm tiếp nhận phiếu đăng ký tham gia đấu giá: từ 08 giờ 00' ngày 22/12/2025 đến 17 giờ 00' ngày 07/01/2026 *(trong giờ hành chính)*, tại trụ sở Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Ninh Bình, tại Nhà văn

hoá UBND phường Nam Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình (trụ sở UBND phường Ninh Phong cũ).

6. Thời gian, địa điểm tiếp nhận phiếu trả giá đấu giá: từ 08 giờ 00' ngày 22/12/2025 đến 17 giờ 00' ngày 07/01/2026 *(trong giờ hành chính)*, tại Nhà văn hoá UBND phường Nam Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình (trụ sở UBND phường Ninh Phong cũ).

7. Thời gian xem tài sản đấu giá: Từ 08 giờ 00' ngày 29/12/2025 đến 17 giờ 00' ngày 31/12/2025 *(trong giờ hành chính)*.

Người tham gia đấu giá có nhu cầu xem tài sản đấu giá tại thực địa các khu đất đấu giá thì liên hệ và đăng ký với Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Ninh Bình để được hướng dẫn chi tiết và xem tài sản tại thực địa, người tham gia đấu giá không liên hệ và đăng ký xem tài sản với Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Ninh Bình thì được coi là đã xem và chấp nhận hiện trạng của tài sản tại thực địa.

Địa điểm: tại khu dân cư phía Nam trụ sở UBND phường Ninh Phong (nay là phường Nam Hoa Lư), tỉnh Ninh Bình.

8. Thời gian nộp tiền đặt trước: Từ 08 giờ 00' ngày 22/12/2025 đến 17 giờ 00' ngày 07/01/2026.

Khách hàng tham gia đấu giá nộp tiền đặt trước theo hình thức: Nộp tiền mặt tại ngân hàng hoặc chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng:

- <u>Ngân Hàng Vietinbank</u>

Tên đơn vị thụ hưởng: Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Ninh Bình

+ Số tài khoản: 110633518686

+ **Tại:** Ngân hàng Công Thương Việt Nam (Vietinbank) - Chi nhánh Ninh Bình

+ Địa chỉ: Số 951, đường Trần Hưng Đạo, phường Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình.

Mã QR ngân hàng Vietinbank:

Phần nội dung ghi: "Tên khách hàng tham gia đấu giá, Số căn cước công dân" nộp tiền đặt trước thửa đất ...tại phường Nam Hoa Lư)".

Nếu khách hàng tham gia đấu giá nhiều thửa đất, khi nộp tiền đặt trước có thể nộp gộp số tiền của nhiều thửa đất và phần nội dung ghi: "Tên khách hàng tham gia đấu giá, Số căn cước công dân" nộp tiền đặt trước thửa đất A1, B11, D10,... tại phường Nam Hoa Lư).

Hồ sơ tham gia đấu giá hợp lệ là hồ sơ có phiếu đăng ký tham gia và phiếu trả giá được nộp trước 17 giờ 00' ngày 07/01/2026 và tiền đặt trước của khách hàng tham gia đấu giá báo có trong tài khoản của Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Ninh Bình trước 17 giờ 00' ngày 07/01/2026.

9. Hồ sơ tham gia đấu giá bao gồm:

- Phiếu đăng ký tham gia đấu giá quyền sử dụng đất (theo mẫu);
- Bản phô tô Căn cước công dân;
- Chứng từ mua hồ sơ tham gia đấu giá (trừ trường hợp người tham gia đấu giá in hồ sơ trên Website thì nộp tiền mua hồ sơ cho Trung tâm vào thời điểm nộp hồ sơ);
- Giấy nộp tiền (giấy chuyển khoản) vào tài khoản do Ngân hàng phát hành bản chính (nếu có);
- Phiếu trả giá đấu giá quyền sử dụng đất hợp lệ (theo mẫu).

10. Thời gian, địa điểm tổ chức công bố kết quả phiên đấu giá: Vào lúc 08 giờ 00' ngày 10/01/2026 *(Khách hàng đến trước 30 phút để làm thủ tục vào phòng đấu giá).*

- Địa điểm tổ chức phiên công bố giá: Nhà Đa năng - trụ sở UBND phường Nam Hoa Lư.

11. Phương thức đấu giá, hình thức đấu giá:

- Phương thức đấu giá: Phương thức trả giá lên.

- Hình thức đấu giá: Đấu giá bằng bỏ phiếu gián tiếp một (01) vòng đối với từng thửa đất.

Chi tiết liên hệ tại: Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Ninh Bình. Địa chỉ: đường Đại Cồ Việt, phố Thiên Sơn, phường Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình. Điện thoại: 0229.3636.668; Hotline - Zalo: 0902.180.281.

Hoặc các Văn phòng đại diện Trung tâm, số điện thoại: 0228.3836335 - 02263.845.968./.

Website: http://trungtamdichvudaugiataisan.ninhbinh.gov.vn/

Nơi nhận:
- Cổng thông tin điện tử quốc gia về đấu giá tài sản;
- Trang Thông tin điện tử Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Ninh Bình;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Ninh Bình;
- Văn phòng đại diện Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Ninh Bình tại phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình;
- Văn phòng đại diện Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Ninh Bình tại phường Phù Vân, tỉnh Ninh Bình;
- UBND phường Nam Hoa Lư;
- Lưu TT, hồ sơ.

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Hà Thị Khánh Linh